BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM

## Lớp : Quản trị kinh doanh 1 - K12

Môn thi: **Hành vi giao tiếp** Lần thi: **2** Giám thị 1: _____

Học kỳ: **2** Năm học: **2010 - 2011** Ngày thi: _____ Giám thị 2: _____

Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 3: _____

Tổng số bài: _____ Số tờ: _____ Giám thị 4: _____

| STT | MÃ SỐ | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | ĐIỂM SỐ | KÝ TÊN | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1010090003 | Đinh Thị Vân | Anh | 04/09/1992 | | | | |
| 2 | 1010090004 | Lê Trường Thiên | Anh | 01/05/1991 | 5.0 | | | |
| 3 | 1010090005 | Thái Huỳnh Duy | Anh | 30/03/1992 | | | | |
| 4 | 1010090009 | Hồ Ngọc | Châu | 27/04/1992 | | | | |
| 5 | 1010090020 | Nguyễn Văn | Đức | 10/07/1991 | | | | |
| 6 | 1010090022 | Hoàng Đình | Duy | 04/09/1992 | | | | |
| 7 | 1010090027 | Lê Minh | Hải | 18/01/1992 | | | | |
| 8 | 1010090030 | Huỳnh Thị Ngọc | Hân | 26/07/1991 | | | | |
| 9 | 1010090033 | Vũ Văn | Hành | 16/11/1992 | | | | |
| 10 | 1010090037 | Trần Đỗ Ngọc | Hiền | 13/01/1992 | | | | |
| 11 | 1010090043 | Nguyễn Thị Tuyết | Hoa | 20/02/1992 | | | | |

*Ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .*

**CHỦ NHIỆM BỘ MÔN (KHOA)**
*( Ký và ghi rõ họ tên)*

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**
*( Ký và ghi rõ họ tên)*